

THÔNG BÁO**Lịch giảng - Lịch thi Học kỳ Hè năm học 2023 - 2024
theo nhu cầu sinh viên hệ đại học chính quy chương trình chất lượng cao (tiếng Anh bán phần)****- Thứ 2 Tuần 1: từ ngày 22/7/2024.****Giờ học bắt đầu và kết thúc:**

- Ca S: ca sáng (Từ tiết 1 - 5); Ca C: ca chiều (Từ tiết 6 - 10)

Sáng

Tiết 1 - 3: từ 7h00 đến 9h15

Ra chơi: 9h15 - 9h35 (20 phút)

Tiết 4 - 5: từ 9h35 đến 11h05

Chiều

Tiết 6 - 8: từ 13h00 đến 15h15

Ra chơi: 15h15 - 15h35 (20 phút)

Tiết 9 - 10: từ 15h35 đến 17h05

Ca thi - Giờ thi:

Ca 1:	7g00	S1, C1:	7g00	13g00
Ca 2:	9g30	S2, C2:	8g30	14g30
Ca 3:	13g00	S3, C3:	10g00	16g00
Ca 4:	15g30			

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	PHÒNG THI	CƠ SỞ THI	KHÓA
1	ENS337_233_H01	Listening & Speaking 2	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	2	1-5	1-6	505	36 TTĐ	FLIC	07/09/2024	S1	C304	TĐ	9, 10
2	ENS338_233_H01	Listening & Speaking 3	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	3	1-5	1-6	501	36 TTĐ	FLIC	07/09/2024	S2	C303	TĐ	9, 10
3	ENS338_233_H02	Listening & Speaking 3	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	4	1-5	1-6	B2.102	TĐ	FLIC	07/09/2024	S2	C304	TĐ	9, 10
4	ENS339_233_H01	Listening & Speaking 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	4	1-5	1-6	B2.103	TĐ	FLIC	07/09/2024	S3	C304	TĐ	9, 10
5	ENS340_233_H01	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	4	1-5	1-6	502	36 TTĐ	FLIC	07/09/2024	C1	C204	TĐ	9, 10
6	ENS340_233_H02	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	5	1-5	1-6	B2.102	TĐ	FLIC	07/09/2024	C1	C206	TĐ	9, 10
7	ENS340_233_H03	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	6	1-5	1-6	B2.102	TĐ	FLIC	07/09/2024	C1	C303	TĐ	9, 10

STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	PHÒNG THI	CƠ SỞ THI	KHÓA
8	ENS340_233_H04	Listening & Speaking 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	3	1-5	1-6	B2.102	TĐ	FLIC	07/09/2024	C1	C304	TĐ	9, 10
9	ENS341_233_H01	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	2	1-5	1-6	503	36 TTĐ	FLIC	07/09/2024	C2	C303	TĐ	9, 10
10	ENS341_233_H02	Listening & Speaking 6	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	6	1-5	1-6	B2.103	TĐ	FLIC	07/09/2024	C2	C304	TĐ	9, 10
11	ENS342_233_H01	Listening & Speaking 7	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	S	7	1-5	1-6	B2.102	TĐ	FLIC	07/09/2024	C3	C304	TĐ	9, 10
12	ENS328_233_H01	Reading & Writing 2	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	2	6-10	1-6	505	36 TTĐ	FLIC	07/09/2024	1	B2.102	TĐ	9, 10
13	ENS329_233_H01	Reading & Writing 3	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	3	6-10	1-6	503	36 TTĐ	FLIC	07/09/2024	2	B2.102	TĐ	9, 10
14	ENS330_233_H01	Reading & Writing 4	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	4	6-10	1-6	B2.102	TĐ	FLIC	07/09/2024	3	B2.102	TĐ	9, 10
15	ENS331_233_H01	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	5	6-10	1-6	501	36 TTĐ	FLIC	07/09/2024	4	B2.102 B2.103	TĐ	9, 10
16	ENS331_233_H02	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	6	6-10	1-6	B2.102	TĐ	FLIC	07/09/2024	4	B2.104 B2.105	TĐ	9, 10
17	ENS331_233_H03	Reading & Writing 5	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	4	6-10	1-6	B2.103	TĐ	FLIC	07/09/2024	4	B2.106 B2.107	TĐ	9, 10
18	ENS332_233_H01	Reading & Writing 6	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	5	6-10	1-6	502	36 TTĐ	FLIC	07/09/2024	1	B2.103 B2.104	TĐ	9, 10
19	ENS332_233_H02	Reading & Writing 6	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	6	6-10	1-6	B2.103	TĐ	FLIC	07/09/2024	1	B2.105 B2.106	TĐ	9, 10
20	ENS333_233_H01	Reading & Writing 7	2	30	TATC	TCNH KT QTKD	C	7	6-10	1-6	401	36 TTĐ	FLIC	07/09/2024	2	B2.103	TĐ	9, 10
21	MLM307_233_H01	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	30	GDĐC	TCNH KT QTKD	S	3	1-5	1-6	B2.103	TĐ	KHXH	07/09/2024	1	B2.107	TĐ	10, 11
22	MLM309_233_H01	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH KT QTKD	S	4	1-5	1-6	503	36 TTĐ	KHXH	07/09/2024	2	B2.104 B2.105	TĐ	10, 11

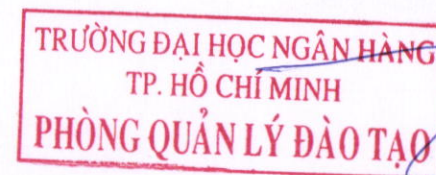
STT	LỚP HP	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT	KHỐI KIẾN THỨC	NGÀNH HỌC	CA	THỨ	TIẾT	TUẦN	PHÒNG HỌC	CƠ SỞ HỌC	KHOA QL	NGÀY THI	CA THI	PHÒNG THI	CƠ SỞ THI	KHÓA
23	MLM309_233_H02	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH KT QTKD	C	4	6-10	1-6	B2.104	TĐ	KHXH	07/09/2024	2	B2.106 B2.107	TĐ	10, 11
24	MLM309_233_H03	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	GDĐC	TCNH KT QTKD	S	5	1-5	1-6	B2.103	TĐ	KHXH	07/09/2024	2	B2.202 B2.203	TĐ	10, 11
25	ENP702_233_H01	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	3	45	Cơ sở ngành	KT	S	3 5	1-5 1-5	1-6 4-6	B2.104 B2.104	TĐ	NN	07/09/2024	1	B2.202	TĐ	9, 10
26	ITS301_233_H01	Tin học ứng dụng	3	60	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	S	2 4	1-5 1-5	1-6 1-6	PM201 PM201	39 HN	HTTTQL	08/09/2024	S2	C303	TĐ	9, 10
27	ITS301_233_H02	Tin học ứng dụng	3	60	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	C	2 4	6-10 6-10	1-6 1-6	PM201 PM201	39 HN	HTTTQL	08/09/2024	S2	C304	TĐ	9, 10
28	ITS301_233_H03	Tin học ứng dụng	3	60	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	S	3 5	1-5 1-5	1-6 1-6	C304 C304	TĐ	HTTTQL	08/09/2024	S3	C303	TĐ	9, 10
29	ITS301_233_H04	Tin học ứng dụng	3	60	Cơ sở ngành	TCNH KT QTKD	C	3 5	6-10 6-10	1-6 1-6	C304 C304	TĐ	HTTTQL	08/09/2024	S3	C304	TĐ	9, 10
30	GYM304_233_H01	Học phần GDTC 4 (Cầu lông)	1	30	GDTC	TCNH KT QTKD	S	4	1-5	1-6	Sân	TĐ	GDTCQP	07/09/2024	2	Sân	TĐ	9, 10

- **Lưu ý:** - 36 TTĐ: 36 Tôn Thất Đạm; Quận 1, Tp. HCM;
 - 39 HN: 39 Hàm Nghi, Quận 1, Tp. HCM.
 - TĐ: 56 Hoàng Diệu 2, Tp. Thủ Đức, TP. HCM.

Nơi nhận:

- Khoa HTTTQL; KHXH; FLIC;
 - P. KT&ĐBCL; P. Thanh tra; P. TC-KT; P. QLCNTT; P. QTTS; VP;
 - Lưu: PĐT, Ban QL CLC.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
 PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



ThS. Nguyễn Thị Huỳnh Uyên